

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NL  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 21 - 12 - 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Minh

Ông Phạm Ngọc Biên

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị S; sinh năm: 1990; HKTT: Thôn PL, xã MT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Làng Môn Tía, xã Nguyệt Ấn, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn H; sinh năm: 1976; HKTT: Thôn PL, xã MT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn PL, xã MT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị S, anh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị S trình bày: Chị và anh Đinh Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 19/11/2008 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Nguyệt Ấn, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình

vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh H thường xuyên uống rượu về chửi bới chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Thị **HN**, sinh ngày 10/8/2009 và cháu Đinh Hoàng **P**, sinh ngày 19/01/2016. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **HN**, giao cháu Phúc cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên toà, chị thay đổi quan điểm, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc, giao cháu Hạnh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, bị đơn là anh Đinh Văn H trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng anh cũng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong lần cãi nhau thì chị S đã tự ý bỏ về nhà ngoại sinh sống. Anh cũng đã xuống động viên, đón về nhưng chị S không chịu về. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị S.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Thị **HN**, sinh ngày 10/8/2009 và cháu Đinh Hoàng **P**, sinh ngày 19/01/2016. Hiện các cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn anh Đinh Văn H. Giao cháu Đinh Thị Hạnh, sinh ngày 10/8/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Hoàng Phúc, sinh ngày 19/01/2016 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị S và anh H thống nhất ly hôn, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần con cái.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Đinh Văn H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị S và anh Đinh Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2008 tại UBND xã Nguyệt Ấn, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, vấn đề này cũng đã được UBND xã **MT** xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh H lên làm việc để hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh H đều không có mặt, thể hiện anh H không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh H cũng thừa nhận, bản thân thường uống rượu, trong lần vợ chồng cãi nhau đã đuổi chị S ra khỏi nhà. Tại phiên tòa, chị S và anh H đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị S, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị S được ly hôn anh H.

[3] Về con cái: Chị S và anh H có 02 con chung. Chị S và anh H đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **P**. Nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, cháu **HN** có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn, tuy cả hai cháu đang ở cùng anh H nhưng cháu Phúc hiện đang còn nhỏ, ở với mẹ sẽ tốt hơn. Ngoài ra, chị S có công việc và thu nhập ổn định, anh H đang còn phải trực tiếp nuôi dưỡng mẹ già, một mình anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu sẽ không đảm bảo chăm sóc đầy đủ cho các cháu được. Giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu Hạnh, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu Hạnh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **P** cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị S, anh H không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn anh Đinh Văn H.
2. Về con cái: Giao cháu Đinh Thị **HN**, sinh ngày 10/8/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Hoàng **P**, sinh ngày 19/01/2016 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị S, anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0012033 ngày 02/10/2020. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị S, anh H. Chị S, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nguyệt Ân;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Hội thẩm nhân dân**                      **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Quốc Minh**

**Phạm Ngọc Biên**

**Nguyễn Thanh Tân**

